

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-PT

Ngày 07 - 5 - 2019

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản  
chung sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thanh.

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Ánh Tuyết.

Ông Lương Thanh Chín.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Hữu Trọng – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2017/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 226/2017/DS-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2019/QĐ-PT ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn Phước T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Phan Thanh Hưng – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Duy Cân – Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Văn Q, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Kp2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

3. *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ NLQ1, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Kp2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2/ NLQ2, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Kp2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

4. *Người có kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ T; địa chỉ: Thôn Phước T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Theo đơn khởi kiện tranh chấp phân chia tài sản chung và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, bà Nguyễn Thị Mỹ T – nguyên đơn trình bày:*

Bà và anh Đinh Văn Q trước đây là vợ chồng, nhưng đã ly hôn vào năm 2012 do Tòa án nhân dân thị xã L giải quyết. Khi ly hôn, về tài sản chung gồm có: 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 4m x 8m tọa lạc tại Thôn Phước T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn nhà nằm trên diện tích đất 5.399 m<sup>2</sup>, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 393114 cấp ngày 29.12.2006 do Bà T và anh Q đứng tên đăng ký, Bà T và anh Q tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 26.6.2012, Bà T và anh Q có mua đất của mẹ anh Q – NLQ1 diện tích 234 m<sup>2</sup> (9m x 26m), trong đó có 100 m<sup>2</sup> đất thổ cư tại Kp2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận với giá 75.000.000 đồng, có ông Mai Thanh Sơn là người làm chứng. Khi mua thửa đất này, Bà T và anh Q còn chung sống với nhau và đã xây 01 căn nhà cấp 4 trị giá 170.000.000 đồng. Tại thời điểm mua đất, Bà T và anh Q đã giao đủ số tiền cho NLQ1, nhưng nhà nước chưa cho chuyển mục đích tách thửa để chuyển nhượng nên hai bên chỉ viết giấy tay mua bán. Sau khi ly hôn, thì Bà T và anh Q tự thỏa thuận phân chia tài sản cụ thể: Nhà và đất tại Thôn Phước T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận anh Q đồng ý giao cho Bà T và đưa con gái sở hữu sử dụng, Bà T có trách nhiệm trả nợ 65.000.000 đồng tiền xây nhà ở phường T còn thiếu và nuôi hai đứa con đến lúc trưởng thành, anh Q không chu cấp; Còn nhà và đất tại Kp2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận giao cho anh Q sở hữu, sử dụng; Lô đất còn lại sát bên căn nhà giao cho đứa con trai, cho đến lúc trưởng thành sẽ làm giấy tờ sang tên cho con. Nhưng sau đó, anh Q không giữ đúng lời hứa, lô đất sát căn nhà tại phường T hiện nay NLQ1 đang đứng tên sử dụng. Hiện nay, Bà T biết NLQ1 và ông Q đã làm thủ tục giấy tờ đối với căn nhà và diện tích đất này, mặc dù trước đây Bà T có yêu cầu anh Q nói với NLQ1 đưa giấy tờ để chuyển mục đích tách thửa sang tên thì anh Q không đồng ý. Nay, Bà T yêu cầu phân chia ½ trị giá căn nhà tại phường T và được quyền sử dụng diện tích đất còn lại sát căn nhà. Tại phiên tòa hôm nay, Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

*Bị đơn anh Đinh Văn Q, trình bày:*

Anh và Bà T là vợ chồng nhưng đã ly hôn, tài sản chung gồm có: Nhà và đất tại Thôn Phước T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; 01 lô đất tại Thôn Phước T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận do Bà T mua của Bà Sương (Bà ruột Bà T), anh Q không biết có giấy tờ không, vì mọi tài sản của vợ chồng do T nắm giữ và quản lý; Lô đất tại phường T anh và bà T mua của mẹ anh – NLQ1 diện tích 6m x 26 m với giá 75.000.000 đồng. Sau này, NLQ1 biết anh và Bà T ly hôn nên chỉ bán chiều ngang 4,5m và anh đã xây nhà, còn diện tích đất còn lại đã trả lại cho NLQ1 và hiện bà đang đứng tên. Theo bà T khai giấy bán đất mà Bà cung cấp, anh Q không biết cũng không đọc. Đối với số tiền 65.000.000 đồng theo T khai xây nhà còn thiếu nợ là không có. Khi anh và bà T ly hôn, về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh và bà T tự thỏa thuận phân chia như sau: Giao cho bà T sở hữu, sử dụng: nhà và đất tại Thôn Phước T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, hai chiếc xe máy (01 xe Nouvo và 01 xe Wave) và 01 lô đất do T mua của Bà Sương ở Tân

Phước. Anh Q đã làm thủ tục giấy tờ về nhà và đất tại Tân Phước cho Bà T đứng tên; Phần tài sản mà anh Q sở hữu, sử dụng là nhà và đất tại Kp2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Việc phân chia tài sản như vậy theo anh Q là phù hợp, anh Q không đồng ý với yêu cầu của Bà T về phân chia tài sản. Tại phiên tòa hôm nay, anh Q vắng mặt không lý do.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

*NLQ1 trình bày:*

Anh Đinh Văn Q là con ruột NLQ1, bà thừa nhận vào năm 2012 có bán đất cho Bà T và anh Q với diện tích 6m ngang x dài 26 m. Năm 2013, khi bà biết T và Q ly hôn thì bà chỉ bán đất diện tích 4,5 m ngang với giá 75.000.000 đồng, T và Q đã xây nhà ở, Q là người đứng tên đăng ký. Giấy bán đất do bà T viết, bà có ký tên vào nhưng do không biết chữ nên không đọc và cũng không được nghe bà T đọc. Lô đất mà T tranh chấp là tài sản của NLQ1 và hiện nay bà đang đứng tên, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Tại phiên tòa hôm nay, NLQ1 vẫn giữ nguyên yêu cầu.

*NLQ2 trình bày:*

NLQ2 không có quan hệ gì với Bà T, anh Q và NLQ1 mà anh là người thuê nhà của anh Q để ở công tác. Giữa hai bên không làm hợp đồng, NLQ2 giao dịch với NLQ1 và có thông báo cho anh Q biết và anh Q yêu cầu trả tiền thuê nhà 06 tháng 01 lần. NLQ2 bắt đầu thuê nhà từ tháng 7/2016. Việc Bà T có biết anh thuê nhà hay không thì anh không biết. Tại phiên tòa, NLQ2 có đơn xin xử vắng mặt.

*Người làm chứng ông Mai Thanh Sơn trình bày:*

Ông là người hàng xóm với NLQ1, ông Sơn thừa nhận có ký vào giấy bán đất. Ngày 20.6.2012, T và Q cầm giấy bán đất qua cho ông xem nói ông làm chứng việc bán đất giữa NLQ1 và T, Q. Ông chỉ làm chứng có việc mua bán đất, còn cụ thể việc mua bán và giao nhận tiền giữa các bên thì ông không biết. Ông có đọc giấy bán đất sau đó mới ký tên vào, lúc này NLQ1 đã ký rồi, T và Q nói ông làm chứng để sau này khỏi tranh chấp với người em của Q.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 13/9/2017, Tòa án nhân dân thị xã L đưa vụ án ra xét xử, tại bản án dân sự sơ thẩm số 226/2017/DS-ST, Tòa án nhân dân thị xã L đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 401, 697, 698 Bộ luật dân sự 2005;
- Mục a.6 điểm a khoản 2.3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10.8.2004 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối Cao về việc hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự.
- Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH.12, ngày 27/02/2009;
- Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13.6.2012.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T về tranh chấp phân chia tài sản chung là  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà xây cấp 4 và phân chia diện tích đất 134 m<sup>2</sup>.

Buộc NLQ1 phải thanh toán cho anh Đinh Văn Q và bà Nguyễn Thị Mỹ T mỗi người được sở hữu số tiền 21.474.359 đồng. Tổng cộng là 42.948.718 đồng.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải Chịu 10.269.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản bị bác và 1.073.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.125.000 đồng, theo biên lai số 0003689, ngày 08.10.2014, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà T còn phải nộp 8.217.000 đồng án phí.

Anh Đinh Văn Q phải Chịu 1.073.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T phải chịu 900.000 đồng chi phí định giá tài sản, nhưng bà T đã thanh toán cho Hội đồng định giá vào ngày 09.8.2016.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Ngày 25/9/2017, bà Nguyễn Thị Mỹ T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 226/2017/DS-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã L.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người kháng cáo rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc chia tài sản chung đối với quyền sử dụng đất 100m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, tọa lạc tại Kp2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Người kháng cáo đề nghị Tòa án chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với diện tích 134m<sup>2</sup>, đồng thời xác định lại án phí theo đúng quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng nguyên đơn đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung đối với tài sản là 134m<sup>2</sup> đất tại Kp2, phường T, thị xã L; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, tọa lạc tại Kp2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ T trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Q, các đương sự đều có hộ khẩu thường trú và tài sản tranh chấp tọa lạc tại thị xã L cho nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo là ông Đinh Văn Q, NLQ1 và NLQ2 được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, riêng NLQ2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Xét yêu cầu của bà T về phân chia tài sản chung: Theo biên bản định giá tài sản ngày 09/8/2016 thể hiện: 01 căn nhà xây cấp 4B, có diện tích 63 m<sup>2</sup> có kết cấu: kiềng đá chẻ, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, trần tôn lạnh, mái lợp tôn xi măng, hiện trạng căn nhà đã xuống cấp (phần nhà sau tường bị nứt và bị thấm nước) trị giá 137.592.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng); Mái tiền chế trước nhà có kết cấu: trụ sắt, mái lợp tôn kẽm có diện tích 4,8m x 4,3m trị giá 5.201.280 đồng (Năm triệu hai trăm lẻ một nghìn hai trăm tám mươi đồng); Căn nhà nằm trên diện tích đất 100m<sup>2</sup> đất ở, thửa đất số 483a, tờ bản đồ số 10 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 610588 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 23.8.2013 do anh Đinh Văn Q đứng tên đăng ký, đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp hẻm tự chừa, phía Tây giáp đất ông Hùng, phía Nam giáp đất NLQ1, phía Bắc giáp đất NLQ1, trị giá diện tích đất là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); 01 lô đất có diện tích đất 165,6 m<sup>2</sup> (trong đó có 137,2 m<sup>2</sup> đất ở và 28,4 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm) thửa đất số 483c, tờ bản đồ số 10 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 814349 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 29.4.2014 do NLQ1 đứng tên đăng ký, đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp hẻm 47 Lý Thường Kiệt, phía Tây giáp đất ông Hùng, phía Nam giáp đất và nhà anh Q, phía Bắc giáp đường hẻm, trị giá diện tích đất là 151.400.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Yêu cầu của Bà T phân chia tài sản cụ thể: Bà T yêu cầu được sở hữu ½ trị giá căn nhà xây cấp 4 trị giá 71.396.640 đồng và sử dụng diện tích đất còn lại là 134 m<sup>2</sup> (đất thổ cư) trị giá 134.000.000 đồng trong diện tích 165,6 m<sup>2</sup> do NLQ1 đứng tên đăng ký. Như vậy, bà T giao cho anh Q được sở hữu căn nhà, nhưng anh Q phải thanh toán cho bà giá trị của ½ căn nhà là 71.396.640 đồng, còn diện tích đất 100m<sup>2</sup> gắn liền căn nhà thì giao cho anh Q sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bà T và anh Q đều thừa nhận sau khi ly hôn anh Q và bà T tự thỏa thuận phân chia tài sản như sau: Nhà và đất tại Thôn Phước T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; anh Q đồng ý giao cho bà T sở hữu, sử dụng: Nhà và đất tại Kp2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận giao cho anh Q sở hữu, sử dụng. Hiện nay, bà T và anh Q đã làm thủ tục giấy tờ nhà và đất được sở

hữu, sử dụng là phù hợp theo sự thỏa thuận của bà T và anh Q. Vì vậy, yêu cầu của bà T về phân chia  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà tại Kp2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất 100m<sup>2</sup> và căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất này. Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 289, Điều 295 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với yêu cầu kháng cáo chia tài sản chung là quyền sử dụng đất 100m<sup>2</sup> và căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất này, tọa lạc tại Kp2, phường T, thị xã L.

[5] Về yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với diện tích 134m<sup>2</sup> đất, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào giấy mua bán đất ngày 20/6/2012 thì toàn bộ diện tích đất trên nằm trong diện tích 234m<sup>2</sup> đã được vợ chồng bà T, ông Q nhận chuyển nhượng của NLQ1 với số tiền là 75.000.000 đồng. Số tiền này vợ chồng Bà T, ông Q đã thanh toán đủ cho NLQ1. Trong quá trình giải quyết vụ án, NLQ1 không có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán đất ngày 20/6/2012 vô hiệu. Mặt khác, căn cứ vào Khoản 1 Điều 136 của Bộ luật dân sự năm 2005, thì thời hiệu để yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên giữa bà T, ông Q với NLQ1 vô hiệu đã hết. Như vậy, có căn cứ để khẳng định quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 234m<sup>2</sup> là tài sản chung của vợ chồng bà T, ông Q, trong đó có 134m<sup>2</sup> là tài sản chung chưa chia. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà T đối với diện tích đất này. Hiện nay, thửa đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho NLQ1 và được bà chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa, bà T yêu cầu chia tài sản chung và đồng ý nhận giá trị tài sản được chia mà không nhận bằng hiện vật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà. Theo Chứng thư thẩm định giá thì trị giá diện tích đất trên là: 134m<sup>2</sup> x 1.985.000 đồng/m<sup>2</sup> = 253.930.000 đồng. Cần xác định số tiền này là tài sản chung của bà T, ông Q, buộc NLQ1 phải trả cho bà T, ông Q mỗi người là 126.965.000 đồng.

[6] Đối với yêu cầu kháng cáo về án phí, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án tranh chấp chia tài sản chung, đương sự phải chịu án phí tương ứng với trị giá tài sản mà mình được thụ hưởng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu bị bác là không đúng quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, gây thiệt hại cho đương sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định giá tài sản: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà T được chấp nhận một phần nên bà không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 289, Điều 295, Điều 296, Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ T;

Sửa bản án sơ thẩm số 226/2917/HNGĐ-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã L.

Áp dụng:

- Điều 136, Điều 401, 697, 698 Bộ luật dân sự 2005;
- Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH.12, ngày 27/02/2009;
- Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13/6/2012.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T về việc chia  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung đối với diện tích đất 134m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Kp2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Buộc NLQ1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Đinh Văn Q số tiền là 253.930.000 đồng. Bà T, ông Q mỗi người được sở hữu một nửa số tiền NLQ1 thanh toán là 126.965.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với yêu cầu kháng cáo chia tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 100m<sup>2</sup> và căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất này, tọa lạc tại Kp2, phường T, thị xã L.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 6.348.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp 3.125.000 đồng, theo biên lai số 0003689 ngày 08/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà T còn phải nộp 3.223.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010419 ngày 28/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Ông Đinh Văn Q phải chịu 6.348.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản là 4.900.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Đinh Văn Q mỗi người phải chịu 2.450.000 đồng. Bà T đã nộp đủ số tiền chi phí định giá tài sản nên ông Đinh Văn Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 2.450.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/5/2019).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Thanh**